

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất
2. Mã chứng khoán: TNC
3. Địa chỉ trụ sở chính: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
4. Điện thoại: 0254.3823119 Fax: 0254.3823120

II. NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN:

1. Họ và tên: Nguyễn Nhật Thành Lâm
2. Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
3. Điện thoại: 0254.3823119 Fax: 0254.3823120
4. Loại thông tin công bố: Định kỳ

III. NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ:

Công bố Báo cáo tài chính quý 1 năm 2019.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn <http://trc.com.vn/quanhecodong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.



TP. Bà Rịa, ngày 17 tháng 4 năm 2019

Người thực hiện công bố thông tin

Nguyễn Nhật Thành Lâm

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
PHÒNG KẾ TOÁN – TÀI VỤ



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ I NĂM 2019

*BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*

Kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2019 VND	01/01/2019 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		165,276,978,588	175,274,480,407
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8,773,524,318	31,858,870,992
Tiền	111		8,773,524,318	6,858,870,992
Các khoản tương đương tiền	112		-	25,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		120,000,000,000	115,000,000,000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh ngắn hạn (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		120,000,000,000	115,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14,688,213,173	11,074,028,442
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		10,159,309,341	7,340,931,392
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5,036,850,622	4,068,466,262
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136		4,647,608,885	4,846,186,463
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(5,155,555,675)	(5,181,555,675)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		20,812,248,788	17,248,090,857
Hàng tồn kho	141		20,812,248,788	17,248,090,857
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,002,992,309	93,490,116
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		996,331,621	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		6,660,688	93,490,116
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		171,913,717,441	165,700,570,702
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		49,062,878,617	50,136,161,125
Tài sản cố định hữu hình	221		48,963,711,951	50,022,827,792
Nguyên giá	222		116,801,311,121	116,299,311,121
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(67,837,599,170)	(66,276,483,329)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		99,166,666	113,333,333
Nguyên giá	228		340,000,000	340,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(240,833,334)	(226,666,667)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		67,393,157,770	66,881,924,323
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		67,393,157,770	66,881,924,323
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		51,811,175,704	46,811,175,704
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26,811,175,704	26,811,175,704
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		25,000,000,000	20,000,000,000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2019 VND	01/01/2019 VND
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3,646,505,350	1,871,309,550
Chi phí trả trước dài hạn	261		3,510,026,329	1,729,630,529
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		136,479,021	141,679,021
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		337,190,696,029	340,975,051,109
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		21,990,372,486	27,203,575,785
I. Nợ ngắn hạn	310		12,990,372,486	21,203,575,785
Phải trả người bán ngắn hạn	311		475,757,181	1,140,746,351
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		632,600,000	632,600,000
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		797,897,089	707,887,210
Phải trả người lao động	314		2,760,573,355	7,089,961,355
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1,428,018,769	1,471,801,823
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		1,929,759,384	1,851,532,438
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		4,965,766,708	8,309,046,608
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		9,000,000,000	6,000,000,000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		315,200,323,543	313,771,475,324
I. Vốn chủ sở hữu	410		315,200,323,543	313,771,475,324
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		94,077,963,251	94,077,963,251
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28,622,360,292	27,193,512,073
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		27,193,512,073	27,193,512,073
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1,428,848,219	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

Mẫu số B 01 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2019 VND	01/01/2019 VND
Nguồn kinh phí	431			
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		337,190,696,029	340,975,051,109

TRẦN HỮU TRI
Kế toán trưởng/Người lập bảng



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Tổng Giám đốc
Bà Rịa, ngày 18 tháng 04 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP. Bà Rịa

Mẫu số B 02 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

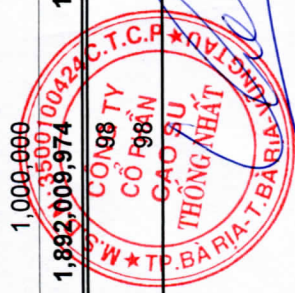
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019

Mã số	Thuyết minh	Quý 01		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
		VND	VND	VND	VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5,915,299,185	10,308,565,879	5,915,299,185	10,308,565,879
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
10	Doanh thu thuần	5,915,299,185	10,308,565,879	5,915,299,185	10,308,565,879
11	Giá vốn hàng bán	5,280,725,439	8,329,249,072	5,280,725,439	8,329,249,072
20	Lợi nhuận gộp	634,573,746	1,979,316,807	634,573,746	1,979,316,807
21	Doanh thu hoạt động tài chính	2,388,749,939	2,082,265,154	2,388,749,939	2,082,265,154
22	Chi phí tài chính	29,150,685	-	29,150,685	-
23	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	-	-	-	-
24	Chi phí bán hàng	3,870,000	61,176,908	3,870,000	61,176,908
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,350,053,994	1,930,803,203	1,350,053,994	1,930,803,203
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1,640,249,006	2,069,601,850	1,640,249,006	2,069,601,850
31	Thu nhập khác	167,316,897	340,903,182	167,316,897	340,903,182
32	Chi phí khác	17,911,723	39,791,066	17,911,723	39,791,066
40	Lợi nhuận khác	149,405,174	301,112,116	149,405,174	301,112,116
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1,789,654,180	2,370,713,966	1,789,654,180	2,370,713,966
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	355,605,961	477,703,992	355,605,961	477,703,992
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	5,200,000	1,000,000	5,200,000	1,000,000
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1,428,848,219	1,892,008,974	1,428,848,219	1,892,008,974
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	74	74	74	98
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	74	74	74	98

[Signature]

TRẦN HỮU TRÍ
Kế toán trưởng/Người lập bảng



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Tổng Giám đốc
Bà Rịa, ngày 17 tháng 04 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		1,789,654,180	2,370,713,966
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		1,575,282,508	1,486,279,961
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		(26,000,000)	(5,000,000)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2,834,344,938)	(1,613,173,169)
Chi phí lãi vay	06		-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		504,591,750	2,238,820,758
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(3,501,355,303)	(753,415,673)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(3,564,157,931)	752,302,739
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		(1,924,577,089)	(7,858,942,988)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(2,776,727,421)	(2,891,189,209)
Tiền lãi vay đã trả	13			
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(299,840,771)	(48,925,086)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(3,343,279,900)	(2,952,791,300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(14,905,346,665)	(11,514,140,759)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(1,013,233,447)	(249,227,030)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		40,020,000	244,608,015
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(35,000,000,000)	(20,000,000,000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		25,000,000,000	
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,794,324,938	1,368,565,154
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8,178,888,509)	(18,636,053,861)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1,111,500)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1,111,500)	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		(23,085,346,674)	(30,150,194,620)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		31,858,870,992	118,324,370,593
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		8,773,524,318	88,174,175,973



TRẦN HỮU TRÍ
Kế toán trưởng/Người lập bảng



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 17 tháng 04 năm 2018 5

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I Năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi là “Công ty”) được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cao su Thống Nhất thành Công ty cổ phần.

Ngày 26 tháng 06 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000263 và cấp lại mã số doanh nghiệp số 3500100424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần thứ 3 vào ngày 15/7/2016. vốn điều lệ của Công ty là 192.500.000.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Nông nghiệp & công nghiệp chế biến

3. **Ngành nghề kinh doanh:** Trồng mới, chăm sóc, khai thác, sơ chế, mua bán cao su; Chế biến, mua bán nông sản, rau quả, thức ăn gia súc, gỗ và các sản phẩm từ gỗ cao su, gỗ rừng trồng; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (San lấp mặt bằng); Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Khai thác vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản (đất, đá, cát); Mua bán phế liệu các loại; mua bán vật tư kim khí, thiết bị ô tô, xe máy, hoá chất (không phải hoá chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông), phân bón và nông lâm sản, cao su; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; Kinh doanh ván Okal, ván MDF, gỗ ván nhân tạo các loại; Kinh doanh ô tô các loại: xe mới 100% và xe đã qua sử dụng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Văn phòng chính của Công ty đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Danh sách các đơn vị trực thuộc Công ty không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

+ *Nông trường Cao su Hòa Bình 2 – Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;*

+ *Đội Cao su Phong Phú - Xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;*

+ *Nhà máy CB Mủ Cao Su Bàu Non - Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;*

+ *Xí nghiệp CBNS Phước Hưng – Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.*

+ *Đội Nông nghiệp Ứng dụng Công nghệ cao Thống Nhất –Xã Đá Bạc- Huyện Châu Đức .Tỉnh BRVT.*

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính V/v Hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp;

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
- Công ty tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung, các đơn vị trực thuộc thực hiện hình thức kế toán báo sổ về Công ty.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 07 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 07 năm

7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm quản lý vườn cây được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao 06 năm.

8. Xây dựng cơ bản dở dang (“XDCB”)

8.1 Vườn cây cao su

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su được đưa vào khai thác.

Giá gốc của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định bằng diện tích khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính 20 năm.

8.2 Xây dựng cơ bản dở dang khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành, mua sắm máy móc thiết bị chưa nghiệm thu và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

9. Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

10. Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong năm và được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

12. Quỹ tiền lương

Tiền lương được tính và ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính này căn cứ theo phương án do Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận trước thuế. Riêng đối với hoạt động sau :

- Hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản thực hiện tại Nông trường cao su Hoà Bình 2, Nông trường cao su Phong phú thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Châu Đức và huyện Xuyên Mộc). Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận trước thuế.

- Hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản thực hiện tại Thành phố Bà Rịa không thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% trên lợi nhuận trước thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

15. Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba. Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH Hưng Nhон	Đồng Nai, Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty CP Phát triển Công nghệ và Dịch vụ Sáng Tạo	TP.HCM, Việt Nam	Bên liên quan
Công ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Bách Tùng	Đồng Nai, Việt Nam	Bên liên quan

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ		Số đầu năm
1. Tiền			
- Tiền mặt	476.060.954		604.928.572
- Tiền gửi ngân hàng	8.297.463.364		6.253.942.420
- Các khoản tương đương tiền			25.000.000.000
Tổng cộng:	8.773.524.318		31.858.870.992

a) Chi tiết tiền mặt tại quỹ	VND	Ngoại tệ	Cộng
Tại quỹ Văn phòng công ty	361.302.462		361.302.462
Tại quỹ NTCS Hòa Bình 2	61.664.479		61.664.479
Tại quỹ Nhà máy SCCS Bàu Non	3.117.000		3.117.000
Tại quỹ Xí nghiệp CBNS Phước Hưng	49.977.013		49.977.013
Tổng cộng:	476.060.954	-	476.060.954

b) Chi tiết tiền gửi ngân hàng	VND	USD	Cộng
Ngân hàng NN&PTNT Vũng tàu	2.867.860.597		2.867.860.597
HDBank - Chi nhánh Vũng Tàu	5.363.309.894		5.363.309.894
Maritime Bank - Chi nhánh Vũng Tàu	15.131.882		15.131.882
BIVDBank -CN tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	51.160.991		51.160.991
Tổng cộng:	8.297.463.364	-	8.297.463.364

c) Chi tiết các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ		Số đầu năm
Tiền gửi kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	-		25.000.000.000
Tổng cộng:	-		25.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

2. Các khoản đầu tư tài chính		Cuối kỳ			Đầu năm		
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh							
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		Cuối kỳ			Đầu năm		
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
b1) Ngắn hạn		120.000.000.000	120.000.000.000		115.000.000.000	115.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn		120.000.000.000	120.000.000.000		115.000.000.000	115.000.000.000	
b2) Dài hạn							
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		Cuối kỳ			Đầu năm		
		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác (*)		26.811.175.704		26.811.175.704	26.811.175.704		26.811.175.704

(*) Đây là khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Bà Rịa (Bariaserece) là 1.796.000 USD tương đương với 26.811.175.704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ công ty này.

a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	10.159.309.341		7.340.931.392
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.129.180.000		4.129.180.000
Công ty TNHH QUILON VN	1.686.774.414		1.483.989.051
Công ty TNHH MTV Phạm Công Bình	116.821.500		116.821.500
DNTN TM Tuyết Sơn	219.690.000		152.190.000
Công ty TNHH Thành Lợi	412.711.166		412.711.166
Công ty TNHH Phát Triển Thái Dương	113.576.586		311.484.000
Công ty TNHH MTV Thắng Thắng Lợi	2.772.000.000		
Các khách hàng là Đại lý bán cám	708.555.675		734.555.675
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-		-
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan			
Tổng cộng:	10.159.309.341		7.340.931.392

4. Trả trước cho người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.036.850.622	4.068.466.262
Công ty CP Đất Đỏ	340.000.000	340.000.000
Công ty TNHH Xây Dựng Xuân Thọ		217.450.000
Công ty TNHH chế tạo máy nông nghiệp Vinamach	125.600.000	
Công ty Cổ phần Vải Địa kỹ thuật Việt Nam		267.300.000
Công ty TNHH DVDL Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	890.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Công ty TNHH CP Tư vấn thiết kế Hưng Việt			
Công nghệ và thiết bị tươi Netafim Viễn Nam	3.625.250.622		2.695.956.262
Công ty Cổ phần công nghệ Gen -Việt Tất Thành			527.760.000
Cơ sở thanh Phụng			20.000.000
Hoàng thị thu lý (Trung Tâm Phát triển cao su Tiểu Điền)	56.000.000		
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-		-
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-		-
Tổng cộng:	5.036.850.622		4.068.466.262

5. Phải thu khác	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	4.647.608.885	317.820.000	4.846.186.463	317.820.000
Công ty TNHH Phát Hưng Tây Ninh	317.820.000	317.820.000	317.820.000	317.820.000
Phải thu bảo hiểm người lao động	318.681.243		268.815.636	
Phải thu thuế TNCN người lao động	106.856.309		20.962.495	
Lãi tiền gửi phải thu	3.323.633.333		3.729.208.332	
Phải thu phụ cấp HDQT & Ban Kiểm soát	457.000.000		388.000.000	
Phải thu tiền tạm ứng người lao động	111.618.000		66.900.000	
Tiền ký quỹ (TK 2441)	5.000.000		5.000.000	
Phải thu khác XNNS Phước Hưng	7.000.000		7.000.000	
Phải thu khác (Quý đến ơn đáp nghĩa.người nghèo)			42.480.000	
b) Dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng:	4.647.608.885	317.820.000	4.846.186.463	317.820.000

6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi	Số cuối kỳ		Số đầu năm
a. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.155.555.675		5.181.555.675
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.447.000.000		4.447.000.000
Dương Thị Yến	53.000.000		53.000.000
Lê Ngọc Tùng	70.364.340		82.364.340
Dương Minh Chiến	39.879.160		40.879.160
Nguyễn Văn Phước	6.550.000		6.550.000
Lê Thị Trúc Lê	59.115.235		59.115.235
TT Khuyến Nông	8.320.000		8.320.000
Nguyễn Thanh Tự	58.300.000		58.300.000
Anh Hoàng - Long Phước	2.933.500		2.933.500
Nguyễn Thị Hồng Phượng	246.776.700		246.776.700
Nguyễn Thanh Quang	10.450.000		12.450.000
Phạm Ngọc Dũng	12.866.740		13.866.740
Dương Văn Lợi	140.000.000		150.000.000
b. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-		-
c. Dự phòng phải thu khó đòi là các bên liên	-		-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

quan			
Tổng cộng:	5.155.555.675		5.181.555.675

7. Tài sản thiếu chờ xử lý	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tổng cộng:				

8. Nợ xấu	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đối tượng nợ
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Tổng cộng:					

9. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	1.260.846.740		1.442.193.788	
- Công cụ, dụng cụ	588.352.961		619.396.298	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.764.421.656		1.034.132.591	-
- Thành phẩm	16.198.627.431		14.152.368.180	
- Hàng hoá		-		-
Tổng cộng:	20.812.248.788	-	17.248.090.857	

10. Tài sản dở dang dài hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	2.731.517.336	-	1.026.870.831	-
Chi phí trồng tre và chuối tại PP&NTCS Hoà Bình 2	2.661.948.411		957.301.906	
Chi phí trồng keo lai tại NTCS Phong Phú	69.568.925		69.568.925	
b) Xây dựng cơ bản dở dang	67.393.157.770	-	66.881.924.323	-
Vườn cây cao su tại NTCS Phong Phú	8.414.845.783		8.409.158.914	
Vườn cây cao su tại NTCS Hoà Bình	57.857.318.917		57.667.587.030	
Chi phí mua sắm văn phòng công ty				
Chi phí mua sắm dở dang tại Đội NNƯDCNC Thống Nhất	1.120.993.070		805.178.379	
Tổng cộng:	70.124.675.106	-	67.908.795.154	

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Vườn cây cao su</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	40.962.487.389	21.762.915.914	6.229.832.989	969.260.693	46.714.779.710	116.639.276.695
- Mua trong năm	502.000.000					502.000.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	41.464.487.389	21.762.915.914	6.229.832.989	969.260.693	46.714.779.710	117.141.276.695
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	35.766.830.372	15.264.801.937	3.000.794.962	855.927.361	11.614.760.938	66.503.115.570
- Khấu hao trong năm	372.029.021	461.697.556	130.882.609	14.166.667	596.506.655	1.575.282.508
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	36.138.859.393	15.726.499.493	3.131.677.571	870.094.028	12.211.267.593	68.078.398.078
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	5.195.657.017	6.498.113.977	3.229.038.027		35.100.018.772	50.022.827.793
- Tại ngày cuối năm	5.325.627.996	6.036.416.421	3.098.155.418		34.503.512.117	49.062.878.617

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

	<i>Chương trình phần mềm</i>
	<i>VND</i>
Nguyên giá	340.000.000
Số dư đầu năm	
Số dư cuối kỳ	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	240.833.334
Số dư đầu năm	226.666.667
- Khấu hao trong năm	14.166.667
Số dư cuối kỳ	240.833.334
Giá trị còn lại	
- Tại ngày đầu năm	113.333.333
- Tại ngày cuối kỳ	99.166.666

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

13. Chi phí trả trước	Số đầu năm	Số tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối kỳ
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	-	3.095.439.721	2.099.108.100	996.331.621
Khấu hao tài sản cố định chờ phân bổ		1.442.633.487	825.080.528	617.552.959
Chi phí tiền thuê đất nông nghiệp chờ phân bổ		456.349.408	189.175.637	267.173.771
Chi phí bảo hiểm phải nộp chờ phân bổ		496.683.806	280.170.175	216.513.631
Chi phí khác (Chi phí vật tư, CCDC chờ phân bổ, chi phí khác bằng tiền...)		699.773.020	804.681.760	(104.908.740)
b. Chi phí trả trước dài hạn	1.729.630.529	2.096.710.620	316.314.820	3.510.026.329
Chi phí sửa chữa TSCĐ.CCDC xuất dùng	1.729.630.529	2.096.710.620	316.314.820	3.510.026.329
Tổng cộng:	1.729.630.529	5.192.150.341	2.415.422.920	4.506.357.950

14. Tài sản khác	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn:	-	-
- Thuế GTGT được khấu trừ		
b) Dài hạn	136.479.021	141.679.021
- Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	136.479.021	141.679.021
+ <i>Lập dự phòng nợ phải thu khó đòi - Đại lý Nhà máy CB thức ăn chăn nuôi Hưng Long</i>	<i>136.479.021</i>	<i>141.679.021</i>
Tổng cộng:	136.479.021	141.679.021

15. Phải trả người bán	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	475.757.181	475.757.181	1.140.746.351	1.140.746.351
Công ty TNHH SX TM DV Hoàng Huy Nguyên	9.278.500	9.278.500	9.278.500	9.278.500
Công ty TNHH XD Mỹ Khánh			114.000	114.000
Nguyễn Thị Hạnh	52.919.061	52.919.061	56.744.471	56.744.471
Nguyễn Thị Tuyết	135.701.875	135.701.875	205.380.287	205.380.287
Nguyễn thị Thu Hồng			31.470.377	31.470.377
Bùi thị Tuyết Nhung			15.482.634	15.482.634
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hai Sơn			581.914.801	581.914.801
Phạm thị Phượng	43.507.800	43.507.800		-
Nông trường cao su Hòa Bình 2	3.798.745	3.798.745		-
Đội Cao Su Phong phú			9.722.045	9.722.045
Huỳnh thanh Hương			9.391.519	9.391.519
Huỳnh thị Mỹ Dung			12.495.717	12.495.717
Công ty TNHH QUILON VN	230.551.200	230.551.200	103.680.000	103.680.000
Công ty CP Cao su Bà Rịa			25.872.000	25.872.000
DNTN Đại Hoàng Lâm			79.200.000	79.200.000
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
d) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết cho từng đối tượng)				

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP TM-DV-DL Cao su	632.600.000	632.600.000
Tổng cộng:	632.600.000	632.600.000

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	509.670.604	217.492.816	537.428.843	189.734.577
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế Xuất nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	189.538.030	355.605.961	299.840.771	315.162.191
Thuế thu nhập cá nhân (*)	7.809.456	109.154.226	123.624.370	(6.660.688)
Thuế tài nguyên	869.120	1.180.160	2.049.280	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(93.490.116)	456.349.408	-	362.859.292
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.096.288	4.096.288	-
Tổng cộng:	614.397.094	1.150.878.859	974.039.552	791.236.401
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	93.490.116			6.660.688
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	707.887.210			797.897.089

18. Phải trả người lao động	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương còn lại phải trả	2.760.573.355	7.089.961.355
Tổng cộng:	2.760.573.355	7.089.961.355

19. Chi phí phải trả	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	1.428.018.769	1.471.801.823
Tiền ăn giữa ca		
- Đới cao su Phong Phú	27.685.312	40.119.306
- NTCS Hòa Bình	42.706.457	62.040.000
- Nhà máy CBM Bàu Non	11.711.801	23.727.318
- Nhà máy CBM Phong Phú		
Tiền thuê đất chưa quyết toán	1.298.415.199	1.298.415.199
Chi phí kiểm toán BCTC	47.500.000	47.500.000
Trợ cấp thôi việc		
b) Dài hạn	-	-
Tổng cộng:	1.428.018.769	1.471.801.823

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

20. Phải trả khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	1.929.759.384	1.851.532.438
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	282.588.250	282.588.250
Công ty TNHH TK XD Núi Đất	42.000.000	42.000.000
Công ty TNHH XD TM DV ĐT Trần Văn	21.700.000	21.700.000
Công ty TNHH An Hạ	49.200.000	49.200.000
DNTN Lê Lê Khánh	25.000.000	25.000.000
Công ty TNHH Hoàng Diệp	16.695.000	16.695.000
DNTN Dương Hải	3.135.000	3.135.000
Công ty TNHH TM DV KT Thuận Phong	60.000.000	60.000.000
Cty TNHH MTCL Sài Gòn	14.858.250	14.858.250
Lê Quốc Tuấn	50.000.000	50.000.000
Công ty TNHH Sản Xuất Thiết Bị Thịnh Phát	25.000.000	
Công ty TNHH Xây dựng Xuân Thọ	92.850.000	67.750.000
Công ty TNHH MTV Cơ Khí BK	39.622.000	39.622.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.211.211.968	1.212.323.468
Viện điều dưỡng Nông nghiệp (NT Cà phê)	247.426.902	247.426.902
Các khoản phải trả .phải nộp khác	31.060.264	1.821.818
b) Dài hạn	9.000.000.000	6.000.000.000
- Lãi vay		
- Công ty TNHH Phát Triển Thái Dương	9.000.000.000	6.000.000.000
Tổng cộng:	10.929.759.384	7.851.532.438

21. Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
------------------------------	------------	------------

22. Dự phòng nợ phải trả	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm
	-	-		-
Tổng cộng:	-	-		-

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Sử dụng quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	6.798.588.049		2.389.600.000	4.408.988.049
Quỹ phúc lợi	1.510.458.559		953.679.900	556.778.659
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ		-		-
Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành công ty				-
Tổng cộng:	8.309.046.608	-	3.343.279.900	4.965.766.708

24. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

A	1	2	3	4
Số dư đầu năm trước	192.500.000.000	91.957.636.159	22.975.515.092	307.433.151.251
- Lãi trong năm nay			26.753.456.062	26.753.456.062
- Lỗ trong năm nay				-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển		1.060.327.092	(1.060.327.092)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, Phúc lợi				-
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành			(6.036.588.000)	(6.036.588.000)
- Chia cổ tức			(15.400.000.000)	(15.400.000.000)
- Phụ cấp HĐQT & Ban KS			(78.600.000)	(78.600.000)
- Giảm khác			(400.000.000)	(400.000.000)
Số dư cuối năm trước	192.500.000.000	93.017.963.251	26.753.456.062	312.271.419.313
Số dư đầu năm nay	192.500.000.000	94.077.963.251	27.193.512.073	313.771.475.324
- Lãi trong năm nay			1.428.848.219	1.428.848.219
- Lỗ trong năm nay				-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển				-
- Giảm quỹ đầu tư phát triển				-
- Trích lập quỹ khen thưởng, Phúc lợi				-
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành				-
- Chia cổ tức				-
- Phụ cấp HĐQT & Ban KS				-
Số dư cuối kỳ	192.500.000.000	94.077.963.251	28.622.360.292	315.200.323.543

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (51%)	98.175.000.000	98.175.000.000
- Cổ đông khác (49%)	94.325.000.000	94.325.000.000
Cộng	192.500.000.000	192.500.000.000

c) Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.250.000	19.250.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.250.000	19.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	19.250.000	19.250.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ Cổ phiếu phổ thông		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.250.000	19.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	19.250.000	19.250.000

*** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND**

25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản nhận giữ hộ		
Ngoại tệ (USD)		
Nợ khó đòi đã xử lý		

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý I Năm nay	Quý I Năm trước
Doanh thu bán mủ cao su	1.879.935.000	7.304.000.000
Doanh thu mủ thu mua chế biến mủ SVR	1.693.065.000	4.508.400
Doanh thu gia công điều	2.041.116.685	2.422.713.479
Doanh thu bán vỏ điều	301.182.500	577.344.000
Doanh thu khác		
Tổng cộng:	5.915.299.185	- 10.308.565.879

1. Các khoản giảm trừ doanh thu	Quý I Năm nay	Quý I Năm trước
Chiết khấu thương mại		
Giảm giá hàng bán		
Hàng bán bị trả lại		
Tổng cộng:	0	0

2. Giá vốn hàng bán	Quý I Năm nay	Quý I Năm trước
Giá vốn bán mủ cao su	1.590.854.490	5.918.527.894
Giá vốn gia công mủ cao su		3.341.520
Giá vốn gia công điều	2.055.742.958	2.116.951.118
Giá vốn bán vỏ điều	199.320.000	247.825.714
Giá vốn khác		42.602.826
Giá vốn mủ thu mua chế biến	1.434.807.991	
Tổng cộng	5.280.725.439	8.329.249.072
Dự phòng (hoàn) giảm giá hàng tồn kho	-	-
Tổng cộng	5.280.725.439	8.329.249.072

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý I Năm nay	Quý I Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.388.749.939	2.082.265.154
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Tổng cộng	2.388.749.939	2.082.265.154

4. Chi phí tài chính	Quý I Năm nay	Quý I Năm trước
Lãi tiền vay	29.150.685	
Chi phí tài chính khác		
Tổng cộng:	29.150.685	-
5. Chi phí bán hàng	Quý I Năm nay	Quý I Năm trước
Chi phí kiểm phẩm mủ cao su và bóc xếp	3.870.000	61.176.908
Tổng cộng	3.870.000	61.176.908

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý I Năm nay	Quý I Năm trước
Chi phí nhân viên	896.781.325	1.646.954.156
Khấu hao tài sản cố định	122.369.686	75.252.620
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	14.611.666	49.841.074
Chi phí trợ cấp mất việc làm	44.728.800	15.868.314
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài .chi phí khác bằng tiền	242.562.517	292.387.039
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu	26.000.000	5.000.000
Tổng cộng	1.350.053.994	2.089.303.203
Các khoản giảm trừ chi phí quản lý		158.500.000
Tổng cộng	1.350.053.994	1.930.803.203
7. Thu nhập khác	Quý I Năm nay	Quý I Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản cố định(Cây cao su)	40.020.000	14.140.000
Thu từ bán tài sản cố định		254.545.435
Thu từ bán bao bì đựng điều nhân		1.235.000
Thu từ bán mũ bọt nhà máy	19.500.000	6.400.000
Tổng cộng	167.316.897	340.903.182

8. Chi phí khác	Quý I Năm nay	Quý I Năm trước
Chi phí Kiểm kê vườn cây thanh lý	2.036.100	24.077.440
Chi phí khấu hao tài sản không liên quan	10.279.335	14.979.257
Chi phí khác	5.596.288	734.369
Tổng cộng	17.911.723	39.791.066

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Quý I Năm nay	Quý I Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.428.848.219	1.892.009.974
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	1.428.848.219	1.892.009.974
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.250.000	19.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	74	98

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Quý I Năm nay	Quý I Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.105.123.686	2.090.814.712
- Chi công cụ dụng cụ	75.426.564	36.737.587
- Chi phí nhân công	4.397.253.557	5.428.250.305
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	957.729.549	737.499.372
- Chi phí khác bằng tiền	2.515.380.795	1.966.750.299
Cộng	9.050.914.151	10.260.052.275

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ:

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: Không
3. Thông tin về các bên liên quan:

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên HĐQT. Ban kiểm toán nội bộ. Ban Tổng Giám đốc. Kế toán trưởng thực nhận trong kỳ.

Thu nhập	Số lượng	Tiền lương	Thưởng	Phụ cấp	Cộng (VNĐ)
- Hội đồng quản trị. Ban kiểm toán nội bộ. thư ký HĐQT.	09			102.000.000	102.000.000
- Ban Giám đốc. Kế toán trưởng	04	256.500.000			256.500.000
Cộng		256.500.000		102.000.000	358.500.000

Giao dịch với các bên có liên quan

Căn cứ tại Điểm 1.1 Khoản 1. Điều 7 và Điểm 3.1. Khoản 3. Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu với các bên liên quan:

Nội dung nghiệp vụ	Mối quan hệ	Quý I năm 2019 (đồng)
- Công ty bán cây cao su gãy đổ cho Công ty TNHH Hưng Nhơn	Cổ đông lớn. Vợ của thành viên HĐQT là Giám đốc Công ty.	40.020.000
- Công ty mua phân hữu cơ vi sinh của Công ty TNHH Phân bón hữu cơ Bách Tùng	Giám đốc là thành viên HĐQT Công ty.	56.532.000

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận: Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất được tổ chức 02 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, là:

- Văn phòng công ty bao gồm Nông trường cao su Hoà Bình 2; Đội cao su Phong Phú; Nhà máy chế biến mủ cao su Bàu Non; Chuyên khai thác, sơ chế, kinh doanh cao su...
- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng: Sơ chế, kinh doanh hạt điều; gia công điều nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO BỘ PHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT QUÝ I NĂM 2019

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	VĂN PHÒNG CÔNG TY	XÍ NGHIỆP PHƯỚC HƯNG	TỔNG CỘNG
(1)	(2)	(3)	(4)
1. Doanh thu thuần	3.573.000.000	2.342.299.185	5.915.299.185
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác			-
3. Khấu hao	1.362.133.013	213.149.495	1.575.282.508
4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.712.135.253	77.518.927	1.789.654.180
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	1.013.233.447		1.013.233.447
6. Tài sản bộ phận	331.749.138.735	5.441.557.294	337.190.696.029
7. Tài sản không phân bổ			-
Tổng Tài sản	331.749.138.735	5.441.557.294	337.190.696.029
8. Nợ phải trả bộ phận	21.571.200.350	419.172.136	21.990.372.486
9. Nợ phải trả không bộ phận			-
Tổng Nợ phải trả	21.571.200.350	419.172.136	21.990.372.486

Ghi chú: Cột 4: Các số in đậm - khớp với số liệu trên Báo cáo KQKD và Bảng CĐKT

5. Thông tin so sánh:

6. Thông tin về hoạt động liên tục:

7. Những thông tin khác:

Kế toán trưởng / người lập bảng

(Ký, họ tên)



Trần Hữu Trí

Bà Rịa, ngày 17 tháng 04 năm 2019

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Nhật Thành Lâm